

BÁO CÁO

Kết quả triển khai, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo số 23/TB-TTHĐND ngày 07/11/2024 của Thường trực HĐND tỉnh về dự kiến nội dung, thời gian kỳ họp thứ 20 HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; UBND tỉnh báo cáo kết quả triển khai, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình MTQG) trên địa bàn tỉnh năm 2024, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh

Để thực hiện có hiệu quả 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 và cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện và quản lý các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025¹, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và thành lập các Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025²; UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thành lập và kiện toàn các Ban Chỉ đạo cấp huyện để tổ chức, triển khai thực hiện, trong đó Trưởng ban Ban Chỉ đạo là Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp xã thành lập Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã.

Trên cơ sở các quy định, văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương về cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các Chương trình MTQG, đến nay, UBND tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản pháp lý để chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh³.

UBND tỉnh tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để chỉ đạo, đôn đốc; thành lập các Tổ công tác để kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh triển khai thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

¹ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

² - Quyết định số 185/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/7/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

- Thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 3200/QĐ-CTUBND ngày 03/10/2022 CTMTQG XDNTM; Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 CTMTQG GNBV; Quyết định số 186/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 02/8/2022 CTMTQG DTTS & MN).

³ 27 Văn bản QPPL của tỉnh và trên 90 văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện của UBND tỉnh.

2. Công tác phối hợp triển khai, thực hiện 03 Chương trình MTQG và công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện trên địa bàn tỉnh

Thời gian qua, các sở, ngành, địa phương đã phối hợp rất chặt chẽ trong việc hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG, nhất là trong công tác tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, các văn bản hướng dẫn, công tác phân bổ và điều chuyển các nguồn vốn, việc phối hợp triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; chủ động rà soát văn bản còn thiếu, tập hợp các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, địa phương để đề xuất/kiến nghị các cấp có thẩm quyền tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kết quả thực hiện chung

1.1. Kế hoạch phân bổ vốn ngân sách nhà nước

- Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2024 thực hiện 03 Chương trình MTQG từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh trên địa bàn tỉnh là **1.006,814 tỷ đồng** (trong đó: *Vốn đầu tư là 519,455 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 487,359 tỷ đồng*) đã bao gồm nguồn vốn năm 2022, 2023 kéo dài sang năm 2024.

1.2. Kết quả giải ngân các nguồn vốn ngân sách nhà nước

Trên cơ sở số liệu báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh và của các sở, ngành, địa phương về tình hình giải ngân vốn thực hiện các Chương trình MTQG, tính đến ngày 25/11/2024 thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2024 (bao gồm nguồn vốn năm 2022, 2023 kéo dài sang năm 2024) là: 598,879/1.006,814 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 59,5% (trong đó: *Vốn đầu tư tỷ lệ 75,5%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 42,4%*). Trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: 197,582/407,268 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 48,5% (trong đó: *Vốn đầu tư đạt tỷ lệ 73,2%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 31,0%*).

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 210,760/364,317 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 57,9% (trong đó: *Vốn đầu tư đạt tỷ lệ 63,2%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 53,4%*).

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 190,537/235,229 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 81,0% (trong đó: *Vốn đầu tư đạt tỷ lệ 88,8%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 52,8%*).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

1.3. Dự báo khả năng giải ngân vốn từng CTMTQG đến cuối năm 2024

Trên cơ sở rà soát tình hình thực hiện của từng chủ đầu tư, từng dự án, từng nhiệm vụ và khả năng thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024), dự báo khả năng giải ngân vốn 03 chương trình MTQG đến cuối năm 2024 là: 866,683/1.006,814 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 86,1% (trong đó: *Vốn đầu tư tỷ lệ 95,6%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 76,0%*). Chi tiết đối với từng chương trình như sau:

- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: 344,276/407,268 tỷ đồng, đạt tỷ lệ khoảng 84,5% kế hoạch vốn giao. Trong đó: *Vốn đầu tư đạt tỷ lệ trên 94,2%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 77,7%*.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 298,049/364,317 tỷ đồng, đạt tỷ lệ khoảng 81,8% kế hoạch vốn giao. Trong đó: Vốn đầu tư đạt tỷ lệ 95,2%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 70,6%.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 224,358/235,229 tỷ đồng, đạt tỷ lệ trên 95,4% kế hoạch vốn giao. Trong đó: Vốn đầu tư đạt tỷ lệ 97,2%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 88,9%.

1.4. Kết quả lồng ghép nguồn vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG

- Tổng số vốn lồng ghép Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 11,248 tỷ đồng, bao gồm: Nâng cấp tuyến đường từ cầu Hlong Hoai đến Thôn 2 (2,661 tỷ đồng); Công trình Đường giao thông liên xã từ Thôn 3 đến giáp Ba Trang, hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước (5,262 tỷ đồng); Nâng cấp 02 phòng học trường mầm non trên địa bàn (1,485 tỷ đồng); Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng từ thị trấn đến UBND xã An Trung (1,840 tỷ đồng).

- Tổng số vốn lồng ghép Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với Đề án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 và Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 là 23,752 tỷ đồng, bao gồm: Trường Mầm non An Hòa: Xây dựng 01 phòng hội đồng, 01 phòng GD nghệ thuật (4,168 tỷ đồng); Trường THCS An Hòa: Xây dựng 04 phòng học, 04 phòng bộ môn (6,146 tỷ đồng); Trường Mầm non An Tân (1,906 tỷ đồng); Trường THCS An Tân: Xây dựng Nhà đa năng (2,358 triệu đồng); Xây mới Trạm y tế xã An Hưng (1,436 tỷ đồng); Xây dựng mới trạm y tế xã An Trung (3,950 tỷ đồng); Xây dựng mới trạm y tế xã An Quang (3,788 tỷ đồng).

1.5. Kết quả thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho huyện An Lão trong việc tổ chức, quản lý thực hiện các CTMTQG trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 111/2024/NQ-QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội

- Trên cơ sở Nghị quyết số 111/2024/NQ-QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh về thí điểm phân cấp cho huyện An Lão trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2024 - 2025 và Văn bản số 5752/UBND-TH ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện cơ chế thí điểm phân cấp cho huyện An Lão trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025; UBND huyện An Lão đã trình tại kỳ họp chuyên đề của HĐND huyện thực hiện quy định tại điểm b, khoản 7, Điều 4, Nghị quyết số 111/2024/NQ-QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội và Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh vốn thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện với số vốn điều chỉnh cụ thể như sau:

+ Vốn đầu tư: 24,585 tỷ đồng.

+ Vốn sự nghiệp đã hết nhiệm vụ chi của 03 Chương trình MTQG là: 17,058 tỷ đồng (trong đó: Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 12,728 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm

nghèo bền vững: 4,330 tỷ đồng).

Nhìn chung, việc thí điểm cơ chế phân cấp cho huyện An Lão trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 đã tạo điều kiện cho địa phương chủ động hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành, điều chuyển nguồn vốn của chương trình được hợp lý và kịp thời hơn, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn các Chương trình MTQG trên địa bàn huyện.

2. Kết quả triển khai thực hiện chi tiết từng Chương trình MTQG

2.1. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Kết quả triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình

- Đạt tỷ lệ 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông, trên 95% số thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa, 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố, số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt trên 99%.

- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 96%; số hộ được giải quyết nước sinh hoạt khoảng 855 hộ (trong đó: 245 hộ sử dụng nước sinh hoạt phân tán và 610 hộ sử dụng nước sinh hoạt tập trung).

- Trường Phổ thông Dân tộc nội trú (02 trường) và trường Phổ thông Dân tộc bán trú (08 trường) được xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%, tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 100%.

b) Kết quả triển khai, thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình

*** Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 11,278 tỷ đồng. Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 6,315 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 56,0% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 46,6%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 62,2%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 95,3% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 98,0%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 93,4%).

- Kết quả thực hiện: Đã hỗ trợ xây dựng 568 căn nhà ở cho 568 hộ⁴; Hỗ trợ san ủi mặt bằng để giao đất ở cho 16 hộ thuộc xã An Nghĩa huyện An Lão; Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 955 hộ⁵; Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 382 hộ⁶; Tiếp tục thực hiện 01 công trình nước sinh hoạt tập trung (hệ thống nước tự chảy suối Đác Toát làng Kà Nâu xã Canh Liên, huyện Vân Canh).

*** Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**

⁴ Vĩnh Thạnh 48 hộ, Vân Canh 15 hộ, Hoài Ân 43 hộ, An Lão 448 hộ bao gồm cả 410 hộ thụ hưởng theo Đề án 3336 của UBND tỉnh, Tây Sơn 14 hộ.

⁵ Vĩnh Thạnh 600 hộ, Vân Canh 13 hộ, An Lão 298 hộ, Hoài Ân 33 hộ, Tây Sơn 11 hộ.

⁶ Vĩnh Thạnh 119 hộ, Vân Canh 15 hộ, Hoài Ân 219 hộ, An Lão 24 hộ, Tây Sơn 05 hộ.

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 26,831 tỷ đồng. Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 20,321 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 75,7% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 76,0%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 0%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 92,4% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 92,3%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 100%).

- Kết quả thực hiện: Trong năm 2024, tiếp tục thực hiện 05 dự án định canh định cư: Dự án định canh định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh quy mô đầu tư 3,49ha với 46 hộ định canh định cư tập trung; Dự án định canh định cư tập trung làng Suối Diếp, xã Canh Hòa, huyện Vân Canh quy mô đầu tư 5,5ha với 65 hộ định canh định cư tập trung; Khu tái định cư vùng thiên tai thôn 4, thôn 5 xã An Trung, huyện An Lão quy mô đầu tư 05 ha với 90 hộ định canh định cư tập trung; Bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn, huyện An Lão quy mô đầu tư 2,5ha với 40 hộ định canh định cư tập trung; Khu Dân cư làng T6 (Làng mới ĐakPok) quy mô đầu tư 3,38ha với 46 hộ định canh định cư tập trung. Hỗ trợ vận chuyển xây dựng nhà ở cho 01 hộ ổn định dân cư xen ghép (thôn 5, xã An Nghĩa, huyện An Lão).

** Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 117,441 tỷ đồng (chỉ vốn sự nghiệp). Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 33,159 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 28,2% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 28,2%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 87,7% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 87,7%).

- Kết quả thực hiện:

+ *Tiểu dự án 1*: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và nâng cao thu nhập cho người dân. Tổ chức thực hiện giao khoán bảo vệ rừng với diện tích 73.372,54 ha (khoán chuyển tiếp: 64.309,02 ha và khoán mới: 9.063,52 ha) và hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng 720,49 ha.

+ *Tiểu dự án 2*: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, kế hoạch thực hiện 52 dự án, trong đó 50 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (1 dự án trồng mì, 4 dự án nuôi trâu, 30 dự án nuôi bò, 10 dự án nuôi heo, 4 dự án nuôi dê, 1 dự án nuôi gà), 02 dự án liên kết chuỗi giá trị (1 dự án nuôi thủy sản, 1 dự án lâm nghiệp) cho 646 hộ tham gia (hộ nghèo, hộ cận nghèo). Đến nay đã tổ chức thẩm định, phê duyệt 29 dự án chăn nuôi (28 dự án cộng đồng, 01 dự án liên kết) cho 467 hộ dân tham gia tại các địa phương (72 con trâu, 605 con bò lai sinh sản, 310 con dê sinh sản, 1.196 con heo đen, lai F1).

- Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN: Đã tổ chức 22 lớp tập huấn, nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, kiến thức xây dựng thương hiệu, thiết kế bao bì nhãn hiệu... Hỗ trợ thiết kế bao bì, nhãn mác, quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm cho hộ kinh

doanh các sản phẩm chè dây, mật ong, mắc ca, măng rừng khô, ớt kim ngâm giấm, rượu cần. Tổ chức 02 triển lãm sản phẩm khởi nghiệp, 01 diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp, lập nghiệp cho đồng bào DTTS, tuyên dương 18 thanh niên DTTS khởi nghiệp tiêu biểu.

*** Dự án 4:** *Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 105,018 tỷ đồng. Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 80,027 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 76,2% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 76,2%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 76,4%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 93,8% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 94,2%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 89,9%).

- Kết quả thực hiện: Đã triển khai thực hiện 63 công trình giao thông, 16 công trình kênh mương nội đồng, 10 công trình văn hóa, 01 công trình chợ, 04 công trình trường học, 06 công trình điện, 04 công trình nước sinh hoạt.

*** Dự án 5:** *Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 66,480 tỷ đồng. Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 32,888 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 49,5% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 75,4%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 27,7%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 77,8% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 96,4%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 62,2%).

- Kết quả thực hiện:

+ *Tiểu dự án 1:* “Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có học sinh bán trú) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS”: Đã thực hiện 11 công trình giáo dục thuộc các trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT An Lão, Vân Canh và các trường phổ thông dân tộc bán trú Hoài Ân, Vân Canh, An Lão, Vĩnh Thạnh.

+ *Tiểu dự án 2:* “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN”: Trao chứng chỉ cho 07 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc, tiếp tục tổ chức 06 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc và 03 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

+ *Tiểu dự án 3:* “Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào DTTS&MN”, đã tổ chức 24 lớp đào tạo nghề (chế biến món ăn; nuôi và phòng bệnh cho gà; nuôi và phòng bệnh cho lợn; trồng rau an toàn; quản lý dịch hại tổng hợp; mây tre đan lát, điện,...)

+ *Tiểu dự án 4:* “Đào tạo năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp”: Trong năm 2024, Ban Dân tộc đã tổ chức 06 lớp tập huấn Kỹ năng tuyên truyền, truyền thông triển khai thực hiện đề án tổng thể về Chương trình; Nghiệp vụ, quy trình quản lý đầu tư công trình cơ sở hạ tầng do cấp xã làm chủ đầu tư, với 719 người tham gia; Tổ chức Đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm về thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS tại các tỉnh phía Nam và miền Đông Nam bộ, các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên; UBND các huyện đã tổ

chức 26 lớp tập huấn Kỹ năng xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm OCOP thương hiệu địa phương,...

*** Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 18,982 tỷ đồng. Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 9,190 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 48,4% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 47,4%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 49,9%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 80,8% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 90,1%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 66,3%).

- Kết quả thực hiện:

+ Trong năm 2024, thực hiện 14 công trình: Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thôn 1 xã An Toàn, huyện An Lão; các nhà văn hóa, khu thể thao của các huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn và hỗ trợ trang thiết bị cho 17 nhà văn hóa, khu thể thao thôn thuộc các huyện trên; Xây dựng Kế hoạch tổ chức, khảo sát và xây dựng kịch bản tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống của đồng bào Chăm H'roi, huyện Vân Canh; Kế hoạch tổ chức xây dựng mô hình bảo tồn văn hoá công chiêng của đồng bào Bana gắn với phát triển du lịch.

+ Tổ chức các lớp tập huấn nghề đan lát truyền thống của đồng bào Bana Kriem Vĩnh Thạnh tại thôn K3, xã Vĩnh Sơn và thôn Hà Ri, xã Vĩnh Hiệp; Mua sắm trang phục, đạo cụ, nhạc cụ; Mua sắm thiết bị âm thanh, ánh sáng, trang phục đáp ứng tối thiểu nhu cầu tập luyện, biểu diễn của các đội văn nghệ truyền thống tại Vĩnh Thạnh.

*** Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 6,418 tỷ đồng (chỉ vốn sự nghiệp). Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 2,756 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 42,9% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 42,9%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 95,0% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 95,0%).

- Kết quả thực hiện:

+ Tổ chức các buổi truyền thông, vận động nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho 1.285 người tham dự; Tổ chức 14 buổi tuyên truyền vận động ban, ngành, đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh, có 585 người tham dự; Thực hiện tầm soát sàng lọc trước sinh; Tổ chức truyền thông tư vấn trước và sau khi khám sức khỏe trước khi kết hôn cho 532 người tham dự;

+ Tổ chức 09 buổi tuyên truyền phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho 400 người tham dự; Truyền thông lồng ghép cung cấp dịch khám sức khỏe, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi có 110 người tham gia; Tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân số, cư trú tại vùng đồng bào DTTS và miền núi tại xã năm 2024 có 330 người tham dự; Tổ chức 21 buổi tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân số, cư trú, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

*** Dự án 8:** *Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 9,957 tỷ đồng (chỉ vốn sự nghiệp). Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 6,599 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 66,3% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 66,3%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 95,0% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 95,0%).

- Kết quả thực hiện:

+ Cấp tỉnh, triển khai truyền thông, vận động thay đổi nếp nghĩ, cách làm, góp phần xóa bỏ các định kiến khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại tại 65 điểm thôn tại các xã thực hiện dự án thu hút gần 3.310 hội viên phụ nữ và người dân tham dự; Tổ chức 11 hội nghị tập huấn về “Nâng cao kỹ năng truyền thông”, “Kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ nữ các cấp”.

+ Cấp huyện, tổ chức 11 phiên chợ vùng cao; 16 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng truyền thông, kỹ năng tổ chức đối thoại cấp xã, thôn hướng dẫn giám sát đánh giá về thực hiện bình đẳng; hướng dẫn kỹ năng sống, kỹ năng mềm,... cho 1.092 lượt cán bộ hội cơ sở và các ngành liên quan; Tổ chức 79 cuộc truyền thông sân khấu hóa về bình đẳng giới, phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống,... tại 119 thôn thu hút hơn 7.050 lượt người tham dự.

*** Dự án 9:** *Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 37,509 tỷ đồng (chỉ vốn sự nghiệp). Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 2,350 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 6,3% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 6,3%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 46,7% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 46,7%) vì Tiểu dự án 1 không thực hiện được.

- Kết quả thực hiện:

+ *Tiểu dự án 1:* Trung ương chưa hướng dẫn cụ thể nên địa phương không triển khai được.

+ *Tiểu dự án 2:* Ban Dân tộc đã triển khai xây dựng 10 pano tuyên truyền tại huyện Vân Canh, Hoài Ân và Trường PTDT Bán trú Canh Thuận và Trường PTDTNT THCS&THPT An Lão; Phối hợp với Tỉnh Đoàn và các Trường Phổ thông Dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh tổ chức các diễn đàn về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; Phối hợp với Sở Tư pháp biên soạn, in ấn Sổ tay pháp luật quy trình thủ tục, mức xử phạt về vi phạm tảo hôn; Phối hợp Báo Dân tộc và Phát triển xây dựng chuyên mục tuyên truyền thông qua tin, bài, ảnh và các hoạt động trực quan, sinh động liên quan đến tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên Báo Dân tộc và Phát triển (Báo giấy và Báo điện tử),...

*** Dự án 10:** *Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình*

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 7,355 tỷ đồng. Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 3,977 tỷ đồng,

đạt tỷ lệ 54,1% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 68,2%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 49,8%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 97,2% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 96,7%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 97,4%).

- Kết quả thực hiện:

+ Đã tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, trợ giúp pháp lý, nâng cao kỹ năng tuyên truyền, vận động cho Già làng, Trưởng bản, Người có uy tín trong cộng đồng tại Vĩnh Thạnh và Vân Canh, 06 đợt trợ giúp pháp lý ngoài trụ sở và tuyên truyền tại 06 xã thuộc huyện Vân Canh, huyện Vĩnh Thạnh, huyện An Lão và huyện Hoài Ân.

Tổ chức 11 buổi sinh hoạt chuyên đề pháp luật tại 11 thôn, làng, với 691 lượt người tham dự, phát 3.000 tờ gấp pháp luật liên quan đến các nội dung như: Những điều cần biết về trợ giúp pháp lý, luật dân sự, pháp luật về người khuyết tật, bình đẳng giới, người cao tuổi... Tư vấn pháp luật 32 vụ việc cho 691 lượt người thông qua hình thức tư vấn bằng văn bản cho 21 vụ việc dân sự, 03 vụ hình sự, 08 vụ việc hành chính và lĩnh vực khác cho người dân có vướng mắc về pháp luật đa số là người DTTS.

+ Đầu tư hệ thống máy vi tính cho các sở, ngành và địa phương liên quan phục vụ triển khai ứng dụng giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 với số lượng 41 bộ, đến nay đã cấp xong cho các đơn vị, địa phương.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình. Đến nay, ở cấp tỉnh, cấp huyện đã ban hành kế hoạch và tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình tại các địa phương.

2.2. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

a) Kết quả triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình

- *Kết quả thực hiện mục tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều năm 2024:*

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều chung của tỉnh (tính sơ bộ năm 2024): Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn 1,02% với 4.521 hộ (tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 2,11% so với năm 2023, đã có 9.313 hộ nghèo thoát nghèo). Như vậy, kết quả tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 2,11%, đạt và vượt kế hoạch đề ra (2%).

Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều còn 2,18% với 9.717 hộ (tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều giảm 0,84% so với năm 2023, đã có 3.609 hộ cận nghèo thoát cận nghèo).

Riêng địa bàn huyện nghèo An Lão (tính sơ bộ năm 2024): Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn 8,5% với 829 hộ (giảm 13,19% so với năm 2023, đã có 1.254 hộ nghèo thoát nghèo). Như vậy, kết quả tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 13,19%, đạt và vượt kế hoạch đề ra (11,72%)

Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều còn 5,51% với 537 hộ (tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều giảm 2,55% so với năm 2023, đã có 237 hộ cận nghèo thoát cận nghèo).

- *Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình:*

+ Tạo việc làm cho 36.975/32.500 người, đạt 113,77% so với kế hoạch giao. Trong đó có 470/700 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tư vấn giới thiệu việc làm, số còn lại người lao động tự tạo việc làm, không có nhu cầu tư vấn, kết nối việc làm (trong đó có 29 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo kết nối việc làm thành công).

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa tỉnh khoảng 3.500 người, trong đó huyện nghèo An Lão 300 người;

+ Đã có 1.725 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở.

b) Kết quả triển khai, thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình

**** Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo An Lão***

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 138,207 tỷ đồng. Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 91,980 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 66,6% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 66,7%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 65,0%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 95,1% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 95,4%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 91,4%).

- Kết quả thực hiện:

+ *Tiểu dự án 1:* Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo An Lão, thực hiện 25 công trình đầu tư, trong đó có 09 giao thông; 03 thủy lợi; 07 trường học; 04 trạm y tế; 02 hạ tầng kỹ thuật.

+ *Tiểu dự án 2:* Đề án hỗ trợ huyện nghèo An Lão thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 – 2025, thực hiện 03 công trình trọng tâm, trọng điểm tạo kết nối, liên kết vùng (cầu Bến Nhơn, cầu Sông Đình, đường bao thị trấn An Lão) và thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng các công trình thực hiện Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

**** Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo***

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 72,691 tỷ đồng (chỉ vốn sự nghiệp). Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 43,852 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 60,3% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 60,3%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 78,4% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 78,4%).

- Kết quả thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đang tiếp tục thực hiện 93 dự án phát triển sản xuất cho 1.584 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (70 dự án bò; 12 dự án heo; 03 dự án trâu giống; 01 dự án gà; 01 dự án ngư lưới cụ; 05 dự án ngành nghề; 01 dự án chuỗi bò thịt).

**** Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng***

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 33,268 tỷ đồng (chỉ vốn sự nghiệp). Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 20,898 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 62,8% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 62,8%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 69,1% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 69,1%).

- Kết quả thực hiện:

+ *Tiểu dự án 1*: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tiếp tục thực hiện 76 dự án phát triển sản xuất cộng đồng, trong đó: 74 dự án chăn nuôi (62 dự án chăn nuôi bò; 02 dự án trâu giống; 05 dự án chăn nuôi heo; 02 dự án gà; 04 dự án thủy sản; 01 dự án trồng trọt).

+ *Tiểu dự án 2*: Cải thiện dinh dưỡng, Sở Y tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 448 lượt tư vấn trực tiếp cho 231 bà mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 02 tuổi thuộc đối tượng thụ hưởng Chương trình tại cộng đồng vào các giai đoạn khi mang thai (thời điểm 3 tháng cuối thai kỳ); Bổ sung vitamin A: 6.584/6.584 trẻ từ 06 đến 59 tháng tuổi; bổ sung vi chất dinh dưỡng: 279/723 trẻ; bổ sung vi chất dinh dưỡng: 702/3.482 trẻ từ 05 - 16 tuổi bị suy dinh dưỡng;...

Mua sắm 37 bộ dụng cụ thực hành dinh dưỡng; 8 cân và 16 thước đo cấp phát cho Trạm y tế các xã, phường, thị trấn trên địa bàn; 14 bộ dụng cụ thực hành dinh dưỡng cấp phát cho Trạm y tế các xã, phường, thị trấn; In ấn sổ tay hướng dẫn chuyên môn (189 tranh lật và 476 quyển sổ tay hướng dẫn) cấp phát cho tuyến cơ sở.

*** Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 95,646 tỷ đồng. Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 39,260 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 41,0% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 51,8%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 33,7%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 71,7% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 94,6%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 56,1%).

- Kết quả thực hiện:

+ *Tiểu dự án 1*: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Hai (02) Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn và Trường Cao đẳng Y tế Bình Định triển khai sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố hiện đang triển khai công tác rà soát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề của người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo bị thiếu hụt chiều việc làm và chiều đào tạo. Truyền thông hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm. Các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác đào tạo nghề cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ *Tiểu dự án 2*: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
Huyện An Lão đang tiếp tục thực hiện công tác xuất khẩu lao động.

+ *Tiểu dự án 3*: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Trung tâm Dịch vụ việc làm thực hiện dự án Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin và xây dựng phần mềm thu thập, phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện việc thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin về người lao động.

*** Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo An Lão**

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 6,112 tỷ đồng (chỉ vốn sự nghiệp). Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 3,855 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 63,1% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 63,1%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 93,3% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 93,3%).

- Kết quả thực hiện: UBND huyện An Lão đang triển khai kế hoạch thực hiện hỗ trợ cho 150 hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng nhà ở (100 xây dựng mới, 50 sửa chữa nhà ở).

*** Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 5,839 tỷ đồng (chỉ vốn sự nghiệp). Đến ngày 15/11/2024, đã giải ngân 3,977 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 68,1% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 68,1%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 83,9% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 83,9%).

- Kết quả thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác truyền thông giảm nghèo về thông tin, truyền thông về giảm nghèo đa chiều, xây dựng các pano, truyền thông tại các Hội nghị....

*** Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

- Kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 12,553 tỷ đồng (chỉ vốn sự nghiệp). Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 6,939 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 55,3% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 55,3%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 đạt tỷ lệ 59,7% (trong đó: Vốn sự nghiệp tỷ lệ 59,7%).

- Kết quả thực hiện: Các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong năm 2024.

2.3. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

a) Kết quả triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình

Kết quả thực hiện đến 25/11/2024: Toàn tỉnh có 113 xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; trong đó: có 91/113 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 80,5% (mục tiêu đến năm 2025 là 85% theo Nghị quyết của HĐND tỉnh); có 24/91 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 26,3% (mục tiêu đến 2025 là 40%); có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 06/11 đơn vị cấp huyện (thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Phù Cát, huyện Tây Sơn) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới, đạt tỷ lệ 54,54% (mục tiêu đến 2025 có 7/11 đơn vị cấp huyện). Số xã đạt dưới 15 tiêu chí: 21 xã.

Dự kiến đến cuối năm 2024: có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả triển khai, thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình

Tổng kinh phí giao thực hiện năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài và vốn năm 2024) là 235,229 tỷ đồng (trong đó: Vốn đầu tư: 184,272 tỷ đồng; Vốn sự

nghiệp: 50,957 tỷ đồng). Đến ngày 25/11/2024, đã giải ngân 190,537/235,229 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 81,0% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 88,8%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 52,8%) và dự kiến giải ngân đến cuối năm 2024 là 224,358/235,229 tỷ đồng đạt tỷ lệ 95,4% (trong đó: Vốn đầu tư tỷ lệ 97,2%; vốn sự nghiệp tỷ lệ 88,9%).

*** Nội dung thành phần số 1:** Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch.

Các địa phương đã và đang tiến hành rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã. Đến nay, đã có 103/113 xã hoàn thành tiêu chí về quy hoạch, đạt 91%.

*** Nội dung thành phần số 2:** Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.

Đầu tư hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện: Có 107/113 xã (94,7%) đạt tiêu chí Giao thông; so với mục tiêu đến năm 2025 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ) là có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì trong thời gian còn lại cần tiếp tục tập trung nguồn lực để hoàn thành mục tiêu.

- 107/113 xã (94,7%) đạt tiêu chí thủy lợi và phòng, chống thiên tai; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì cần tiếp tục đầu tư trong những năm tiếp theo.

- 111/113 xã (98%) đạt tiêu chí Điện; đạt so với mục tiêu đến năm 2025 là có 98% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì Bình Định đã hoàn thành kế hoạch đề ra.

- 100/113 xã đạt chỉ số 5 về trường học theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đạt tỷ lệ 88%); so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học thì cần tiếp tục đầu tư trong những năm tiếp theo.

- 100/113 xã đạt chỉ số 6 về cơ sở vật chất văn hóa theo (đạt tỷ lệ 88%); so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thì cần tiếp tục đầu tư trong những năm tiếp theo.

- 112/113 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (đạt tỷ lệ 99 %); so với mục tiêu đến năm 2025 là có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- 110/113 xã đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông (đạt tỷ lệ 97,3%); so với mục tiêu đến năm 2025 là có 97% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM thì Bình Định đã đạt so với kế hoạch đề ra.

*** Nội dung thành phần số 3:** Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các

doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.

Đã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tính đến nay, toàn tỉnh có 08/11 huyện, thị xã, thành phố đã hoàn tất triển khai, ban hành Quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao (Hoài Ân, Tuy Phước, An Lão, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ, Quy Nhơn, An Nhơn). Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có: 477 sản phẩm đạt hạng OCOP, trong đó: 435 sản phẩm đạt hạng OCOP 3 sao (chiếm tỷ lệ 91,19%), 42 sản phẩm đạt hạng 4 sao (chiếm tỷ lệ 8,81%). Bên cạnh đó, đang hoàn thiện hồ sơ sản phẩm OCOP đề nghị Hội đồng đánh giá, phân hạng 5 sao cấp quốc gia công nhận cho Sản phẩm bánh tráng gạo mè nướng của Công ty TNHH Nhân Hoà - Bánh tráng Dalop.

Có 93/113 xã đạt tiêu chí về thu nhập (đạt 82,3%); 101/113 xã (89%) đạt tiêu chí về lao động; 107/113 xã (94,6%) đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn. So với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập; 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động; 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

*** Nội dung thành phần số 4:** Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030. Đến nay toàn tỉnh có 100/113 xã (88%) đạt tiêu chí về Nghèo đa chiều; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư: có 101/113 xã (89%) đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

*** Nội dung thành phần số 5:** Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

- 101/113 xã (89,3%) đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo thì nội dung này sắp hoàn thành.

- 113/113 xã (100%) đạt tiêu chí về Y tế; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế thì mục tiêu này Bình Định đã hoàn thành.

*** Nội dung thành phần số 6:** Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả khá tích cực. Đến nay, có 100/113 xã (88%) đạt tiêu chí về văn hóa; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 80% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về văn

hóa thì kết quả cho đến nay đã cao hơn nhiều so với mục tiêu.

*** Nội dung thành phần số 7:** Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.

Đến nay có 99/113 xã (88%) đạt tiêu chí về Môi trường và An toàn thực phẩm; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thì trong những năm tiếp theo cần tiếp tục nỗ lực thực hiện để hoàn thành mục tiêu đề ra.

*** Nội dung thành phần số 8:** Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai và tổ chức thực hiện; Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường thực hiện có hiệu quả; nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của người dân đã được nâng lên; các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tiếp tục được các địa phương đặc biệt quan tâm.

*** Nội dung thành phần số 9:** Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

Đến nay có 109/113 xã (96,4%) đạt tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật thì mục tiêu này có khả năng hoàn thành.

*** Nội dung thành phần số 10:** Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

Đến nay có 108/113 xã (95,6%) đạt tiêu chí về Quốc phòng và An ninh; so với mục tiêu đến năm 2025 là có 99% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh thì kết quả đạt được đến nay đã gần đạt mục tiêu đề ra.

*** Nội dung thành phần số 11:** Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới: Các sở, ngành, địa phương tiếp tục duy trì công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Đánh giá chung

- Nhìn chung, các Chương trình MTQG thời gian qua triển khai trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến, nhất là các dự án, tiểu dự án thành phần có sử dụng vốn đầu tư đã được các đơn vị, địa phương triển khai nhanh hơn. Các văn bản hướng dẫn của Trung ương và cấp tỉnh thực hiện các Chương trình MTQG đến nay tương đối đầy đủ đã tháo gỡ cơ bản những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

- Cơ sở hạ tầng có nhiều cải thiện từ việc đầu tư nguồn vốn từ các chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025, hệ thống kênh mương nội đồng đã được bê tông hóa tạo điều kiện thuận lợi trong việc chủ động nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, đường giao thông nông thôn được bê tông hóa, nhựa hóa nên giao thông đi lại thuận tiện, góp phần lưu thông hàng hóa được tốt hơn, các trường học, trạm y tế đã được cải tạo, nâng cấp, một số công trình được xây dựng mới khang trang hơn, nhất là hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn các huyện vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Hoạt động chăm sóc sức khỏe, đời sống văn hóa cũng được quan tâm nhiều hơn, diện mạo nông thôn có nhiều thay đổi, khởi sắc, các dịch vụ về môi trường ngày càng tốt hơn,....

- Các hộ gia đình nghèo, cận nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hỗ trợ về nhà ở, đất ở, đất sản xuất. Các công trình nước sạch sinh hoạt tập trung được đầu tư xây dựng, cải thiện điều kiện sống cho bà con.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 2,11% so với năm 2023, vượt kế hoạch đề ra (2%) và tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều giảm 0,84% so với năm 2023. Hộ nghèo, hộ đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi được quan tâm hỗ trợ tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình, đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ đào tạo nghề, xuất khẩu lao động góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trong vùng dự án.

- Tỷ lệ giải ngân của các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 cao hơn so với các năm trước, ước đến cuối năm 2024 tỷ lệ giải ngân vốn đạt 86,1%.

2. Những hạn chế, tồn tại

2.1. Hạn chế, tồn tại chung

- Mỗi chương trình có rất nhiều dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần nên việc triển khai thực hiện có sự lúng túng, trong đó có Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN rất mới nên cán bộ các cấp cần thời gian nghiên cứu, tìm hiểu, bên cạnh đó việc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của chương trình trong các năm trước.

- Việc xây dựng kế hoạch thực hiện, lựa chọn các phương án, dự án phát triển sản xuất ở cấp huyện, cấp xã còn triển khai chậm, kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân các nguồn vốn của chương trình.

2.2. Chương trình MTQG xây dựng phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

- Mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng áp dụng tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng. Tuy nhiên, mức hỗ trợ này quá thấp, không còn phù hợp so với thực tế hiện nay. Bởi vì, tiền lương tối thiểu điều chỉnh từ năm 2016 đến tháng 7/2024 tăng 93,38% (từ 1.210.000 đồng lên 2.340.000 đồng). Do vậy, cần phải điều chỉnh mức hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo Thông tư

số 152/2016/TT-BTC nêu trên.

- Hiện nay, số lao động có nhu cầu học nghề tại các địa phương đăng ký thấp. Nhiều người lao động đăng ký học nghề thì không tập trung 01 nghề, vì vậy, không thể mở được 01 lớp đào tạo theo đúng quy định (01 lớp nghề quy định: dạy lý thuyết tối đa 35 người; dạy thực hành tối đa 18 người). Một số ngành nghề đào tạo, người lao động có nhu cầu học nghề (nghề đan nhựa giả mây, nghề dệt thổ cẩm) tuy nhiên không có giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện nên không thể tổ chức dạy nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng đối với những nghề này.

2.3. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp và như vậy sẽ không được thụ hưởng đầu tư theo quy định của Chương trình này, do đó việc triển khai đầu tư cơ sở vật chất cho các Trung tâm này không thực hiện được.

2.4. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có hướng dẫn nội dung chi thực hiện thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (*Hiện nay tồn tại, vướng mắc này UBND tỉnh đã có Văn bản báo cáo các Bộ, Ngành Trung ương*).

- Hiện nay, các xã chưa đạt chuẩn NTM của tỉnh chủ yếu tập trung vào các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN. Tuy nhiên các xã này không thuộc đối tượng hỗ trợ nguồn vốn Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, nên dẫn đến việc triển khai thực hiện các tiêu chí còn nhiều khó khăn, chủ yếu thực hiện từ nguồn vốn của Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN.

3. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

- Các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương nhiều, nhưng ban hành còn chậm, chưa cụ thể, rõ ràng, cho đến nay các đề xuất, đề nghị của địa phương vẫn chưa được Trung ương hướng dẫn.

- Do nội dung tập huấn, bồi dưỡng của từng chương trình MTQG có sự tương đồng và triển khai trên cùng địa bàn nên dễ có sự trùng lặp về đối tượng thụ hưởng.

- Năng lực thực thi công việc ở cấp cơ sở, chậm triển khai thực hiện công việc khi được giao vốn, chưa chủ động thực hiện Chương trình đối với các nội dung sử dụng vốn sự nghiệp.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội để thực hiện có hiệu quả các Chương trình.

- Tập trung đôn đốc tiến độ thực hiện các công trình, dự án đang triển khai, định kỳ yêu cầu báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình tại các địa phương.

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện chương trình. Tăng cường trách nhiệm của Giám đốc các BQLDA cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã và cam kết về tiến độ thực hiện dự án.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho cán bộ các cấp trực tiếp triển khai thực hiện Chương trình MTQG tại cơ sở; chú trọng gắn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu với kế hoạch phát triển của các bộ, ngành, địa phương.

- Tiến hành rà soát các đối tượng và nội dung tập huấn, bồi dưỡng để đề xuất hướng giải quyết phù hợp, tránh trùng lặp đối tượng và nội dung dẫn đến lãng phí và không hiệu quả trong thực hiện các Chương trình MTQG.

- Tập trung hướng dẫn các địa phương, tổ nhóm cộng đồng chủ động lựa chọn mô hình phát triển sản xuất thuộc các dự án Hỗ trợ triển sản xuất để có cơ sở thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện tại địa phương trong năm tới nhằm đem lại hiệu quả thiết thực.

2. Đối với Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

- Tập trung quan tâm, hoàn thiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú, các công trình nước sinh hoạt tập trung để đưa vào sử dụng, cải thiện điều kiện sinh hoạt cho người dân; Đôn đốc đẩy nhanh việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập trung rà soát các nội dung để có hướng đề xuất phù hợp tránh bị trùng lặp nội dung và đối tượng đối với các chương trình khác.

3. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Tiếp tục đôn đốc UBND huyện An Lão khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình thuộc Dự án 1 của Chương trình, tập trung hoàn thiện 02 dự án trọng điểm thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 1 là Cầu Bến Nhon và Cầu sông Đỉnh để tạo sự thuận lợi trong giao thông đi lại của người dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện An Lão.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghề đối với các gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, rà soát các nội dung để có hướng đề xuất phù hợp tránh bị trùng lặp nội dung và đối tượng đối với các chương trình khác.

- Đôn đốc UBND cấp huyện nhanh chóng thẩm định, phê duyệt để triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người nghèo được thụ hưởng dự án.

- Tập trung hỗ trợ các hộ nghèo trên địa bàn huyện An Lão về nhà ở, đất ở, đất sản xuất tại Dự án 5 và các dự án của CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng

bào DTTS&MN.

4. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các Chương trình chuyên đề phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả 11 nội dung thành phần của Chương trình.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 về Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Tỉnh Bình Định chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giai đoạn 2021 - 2026”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”; trong đó, huy động sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội các cấp trong xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục ban hành và triển khai thực hiện một số cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững; trong đó, triển khai hiệu quả Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 08/08/2022 của UBND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình bê tông giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch nông thôn....

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn; lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác, thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2024, UBND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Sở TC, NNPTNT, LĐTBXH;
- Ban Dân tộc;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 01

TỔNG HỢP CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

DVT: Triệu đồng

STT	Tên chương trình	Kế hoạch vốn năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài)					Giải ngân vốn năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài) đến ngày 25/11/2024					Tỷ lệ giải ngân đến ngày 25/11/2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài)			Ước giải ngân đến cuối năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài)				Ghi chú				
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
			ĐT		SN			ĐT		SN			ĐT	SN		ĐT		SN			ĐT	SN	
			NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST	NSTW	NST					NSTW	NST	NSTW					NST
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	14	16	17	18	19	20	21	22	22	24
	TỔNG SỐ	1.006.814,3	392.212,6	127.242,4	418.038,8	69.320,5	598.878,6	297.746,2	94.679,6	186.419,1	20.033,6	59,5	75,5	42,4	866.682,5	391.195,6	105.210,6	321.946,0	48.330,3	86,1	95,6	76,0	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN	407.268,2	145.198,7	24.071,5	207.613,1	30.385,1	197.581,8	110.772,2	13.112,6	68.578,6	5.118,4	48,5	73,2	31,0	344.276,0	144.182,0	15.200,0	160.172,0	24.722,0	84,5	94,2	77,7	
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	364.317,4	137.949,3	27.963,3	172.008,4	26.396,4	210.760,1	92.277,8	12.621,1	95.791,6	10.069,6	57,9	63,2	53,4	298.049,0	137.949,0	20.000,0	127.200,0	12.900,0	81,8	95,2	70,6	
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	235.228,7	109.064,6	75.207,6	38.417,4	12.539,1	190.536,7	94.696,2	68.945,9	22.049,0	4.845,6	81,0	88,8	52,8	224.357,5	109.064,6	70.010,6	34.574,0	10.708,3	95,4	97,2	88,9	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN THEO DỰ ÁN THÀNH PHẦN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

DVT: Triệu đồng

STT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài)					Giải ngân vốn năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài) đến ngày 25/11/2024					Tỷ lệ giải ngân đến ngày 25/11/2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài)			Ước giải ngân đến cuối năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài)				Ước tỷ lệ giải ngân đến cuối năm 2024 (bao gồm vốn năm 2022, 2023 kéo dài)			Chi chú	
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
			ĐT		SN			ĐT		SN			ĐT			SN		ĐT			SN		
			NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW	NST		NSTW	NST	NSTW	NST		NSTW		NST
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
	TỔNG SỐ	1.006.814,3	392.212,6	127.242,4	418.038,8	69.320,5	598.878,6	297.746,2	94.679,6	186.419,1	20.033,6	59,5	75,5	42,4	866.682,5	391.195,6	105.210,6	321.946,0	48.330,3	86,1	95,6	76,0	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐÔNG BẢO ĐTT&MN	407.268,2	145.198,7	24.071,5	207.613,1	30.385,1	197.581,8	110.772,2	13.112,6	68.578,6	5.118,4	48,5	73,2	31,0	344.276,0	144.182,0	15.200,0	160.172,0	24.722,0	84,5	94,2	77,7	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	11.277,9	3.793,0	688,9	5.942,7	853,2	6.314,7	1.888,1	200,0	3.772,4	454,3	56,0	46,6	62,2	10.743,0	3.793,0	600,0	5.500,0	850,0	95,3	98,0	93,4	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	26.831,3	22.760,7	3.986,6	72,0	12,0	20.321,0	17.958,0	2.363,0	0,0	0,0	75,7	76,0	0,0	24.784,0	22.700,0	2.000,0	72,0	12,0	92,4	92,3	100,0	
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	117.441,0	0,0	0,0	101.407,0	16.034,0	33.158,6	0,0	0,0	31.580,3	1.578,3	28,2	28,2	103.000,0	0,0	0,0	89.000,0	14.000,0	87,7		87,7		
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	105.017,7	81.921,2	12.524,8	9.203,5	1.368,0	80.027,2	64.748,7	7.205,7	7.090,0	982,8	76,2	76,2	98.500,0	81.000,0	8.000,0	8.500,0	1.000,0	93,8	94,2	89,9		
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	66.479,5	26.234,7	4.062,6	31.638,9	4.543,3	32.888,0	20.760,5	2.096,3	9.480,1	551,0	49,5	75,4	27,7	51.700,0	26.200,0	3.000,0	20.000,0	2.500,0	77,8	96,4	62,2	
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	18.982,5	8.937,0	2.652,0	6.365,0	1.028,6	9.189,8	4.377,9	1.120,5	3.557,0	134,4	48,4	47,4	49,9	15.337,0	8.937,0	1.500,0	4.000,0	900,0	80,8	90,1	66,3	
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	6.418,0	0,0	0,0	5.549,5	868,5	2.756,0	0,0	0,0	2.537,8	218,2	42,9	42,9	6.100,0	0,0	0,0	5.300,0	800,0	95,0		95,0		
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	9.956,6	0,0	0,0	8.494,5	1.462,1	6.599,6	0,0	0,0	5.896,0	703,7	66,3	66,3	9.460,0	0,0	0,0	8.000,0	1.460,0	95,0		95,0		
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	37.508,5	0,0	0,0	34.036,3	3.472,2	2.349,5	0,0	0,0	2.124,1	225,4	6,3	6,3	17.500,0	0,0	0,0	15.000,0	2.500,0	46,7		46,7		
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	7.355,3	1.552,0	156,5	4.903,5	743,2	3.977,3	1.039,1	127,0	2.540,9	270,3	54,1	68,2	49,8	7.152,0	1.552,0	100,0	4.800,0	700,0	97,2	96,7	97,4	
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	364.317,4	137.949,3	27.963,3	172.008,4	26.396,4	210.760,1	92.277,8	12.621,1	95.791,6	10.069,6	57,9	63,2	53,4	298.049,0	137.949,0	20.000,0	127.200,0	12.900,0	81,8	95,2	70,6	
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Huyện An Lão)	138.207,3	106.391,2	20.875,7	9.325,3	1.615,1	91.980,2	73.277,8	11.586,0	6.739,3	377,1	66,6	66,7	65,0	131.391,0	106.391,0	15.000,0	8.500,0	1.500,0	95,1	95,4	91,4	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	72.690,6	0,0	0,0	64.019,6	8.671,0	43.851,5	0,0	0,0	39.985,6	3.865,9	60,3	60,3	57.000,0	0,0	0,0	53.000,0	4.000,0	78,4		78,4		
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	33.268,3	0,0	0,0	28.737,5	4.530,8	20.897,9	0,0	0,0	18.198,1	2.699,8	62,8	62,8	23.000,0	0,0	0,0	20.000,0	3.000,0	69,1		69,1		
4	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	95.646,4	31.558,1	7.087,6	49.098,0	7.902,7	39.259,6	19.000,0	1.035,1	17.725,3	1.499,1	41,0	51,8	33,7	68.558,0	31.558,0	5.000,0	30.000,0	2.000,0	71,7	94,6	56,1	

5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	6.112,0	0,0	0,0	5.315,0	797,0	3.855,0	0,0	0,0	3.225,0	630,0	63,1	63,1	5.700,0	0,0	0,0	5.000,0	700,0	93,3	93,3		
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	5.839,4	0,0	0,0	4.852,5	986,9	3.976,8	0,0	0,0	3.479,8	496,9	68,1	68,1	4.900,0	0,0	0,0	4.000,0	900,0	83,9	83,9		
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	12.553,3	0,0	0,0	10.660,4	1.892,9	6.939,2	0,0	0,0	6.438,5	500,7	55,3	55,3	7.500,0	0,0	0,0	6.700,0	800,0	59,7	59,7		
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	235.228,7	109.064,6	75.207,6	38.417,4	12.539,1	190.536,7	94.696,2	68.945,9	22.049,0	4.845,6	81,0	88,8	52,8	224.357,5	109.064,6	70.010,6	34.574,0	10.708,3	95,4	97,2	88,9
I	Hỗ trợ cấp xã, huyện xây dựng nông thôn mới	228.306,4	109.064,6	75.207,6	33.335,4	10.698,8	189.214,9	94.696,2	68.945,9	21.675,2	3.897,6	82,9	88,8	58,1	217.435,2	109.064,6	70.010,6	29.492,0	8.868,0	95,2	97,2	87,1
1	Thành phố Quy Nhơn	4.292,0	2.944,4	0,0	1.243,4	104,2	3.171,3	2.455,4	0,0	715,9	0,0	73,9	83,4	53,1	4.244,4	2.944,4	0,0	1.200,0	100,0	98,9	100,0	96,5
2	Huyện Hoài Ân	29.718,0	13.134,0	10.050,0	5.422,0	1.112,0	25.783,8	11.336,9	9.536,3	4.514,1	396,5	86,8	90,0	75,2	28.584,0	13.134,0	10.000,0	4.500,0	950,0	96,2	99,8	83,4
3	Huyện An Lão	7.244,4	2.591,0	4.000,0	597,4	56,0	4.809,5	1.701,2	2.765,1	319,2	24,0	66,4	67,8	52,5	7.231,0	2.591,0	4.000,0	590,0	50,0	99,8	100,0	97,9
4	Huyện Phù Mỹ	43.216,8	28.130,0	8.872,3	5.570,5	644,0	40.963,4	28.016,0	8.872,3	4.075,1	0,0	94,8	99,7	65,6	38.270,0	28.130,0	5.000,0	4.500,0	640,0	88,6	89,5	82,7
5	Huyện Phù Cát	31.088,1	12.287,2	12.085,9	4.043,0	2.672,0	22.757,4	9.972,2	9.485,9	2.511,4	788,0	73,2	79,8	49,1	28.787,2	12.287,2	11.000,0	3.500,0	2.000,0	92,6	95,5	81,9
6	Thị xã An Nhơn	23.717,0	8.272,0	11.300,0	2.461,0	1.684,0	21.634,9	8.272,0	11.300,0	1.561,9	501,0	91,2	100,0	49,8	23.072,0	8.272,0	11.300,0	2.200,0	1.300,0	97,3	100,0	84,4
7	Huyện Tây Sơn	38.929,8	23.011,0	9.050,0	5.836,8	1.032,0	30.020,7	17.087,0	9.050,0	3.383,7	500,0	77,1	81,5	56,5	38.261,0	23.011,0	9.050,0	5.500,0	700,0	98,3	100,0	90,3
8	Huyện Vĩnh Thạnh	10.416,3	6.472,0	1.080,6	2.839,7	24,0	8.453,8	6.139,6	1.080,4	1.209,8	24,0	81,2	95,6	43,1	10.076,6	6.472,0	1.080,6	2.500,0	24,0	96,7	100,0	88,1
9	Huyện Vân Canh	4.171,1	1.438,0	1.833,8	899,3	0,0	3.472,6	1.438,0	1.820,8	213,8	0,0	83,3	99,6	23,8	4.118,0	1.438,0	1.830,0	850,0	0,0	98,7	99,9	94,5
10	Huyện Tuy Phước	24.692,9	6.471,0	12.185,0	2.770,3	3.266,6	17.805,8	3.963,9	10.285,0	2.302,7	1.254,1	72,1	76,4	58,9	23.971,0	6.471,0	12.000,0	2.500,0	3.000,0	97,1	99,0	91,1
11	Thị xã Hoài Nhơn	10.820,0	4.314,0	4.750,0	1.652,0	104,0	10.341,7	4.314,0	4.750,0	867,7	410,0	95,6	100,0	72,8	10.820,0	4.314,0	4.750,0	1.652,0	104,0	100,0	100,0	100,0
II	Hỗ trợ thực hiện các nội dung, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	6.922,3	0,0	0,0	5.082,0	1.840,3	1.321,7	0,0	0,0	373,7	948,0	19,1	19,1	6.922,3	0,0	0,0	5.082,0	1.840,3	100,0	100,0		
1	Hội Nông dân tỉnh	205,5	0,0	0,0	205,5	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	205,5	0,0	0,0	205,5	0,0	100,0	100,0		
2	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	200,0	0,0	0,0	200,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	200,0	0,0	0,0	200,0	0,0	100,0	100,0		
3	Tinh đoàn Bình Định	200,0	0,0	0,0	200,0	0,0	200,0	0,0	0,0	200,0	0,0	100,0	100,0	200,0	0,0	0,0	200,0	0,0	100,0	100,0		
4	Công an tỉnh	800,0	0,0	0,0	800,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	800,0	0,0	0,0	800,0	0,0	100,0	100,0		
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	5.322,3	0,0	0,0	3.546,5	1.775,8	1.051,2	0,0	0,0	118,4	932,8	19,8	19,8	5.322,3	0,0	0,0	3.546,5	1.775,8	100,0	100,0		
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50,0	0,0	0,0	50,0	0,0	50,0	0,0	0,0	50,0	0,0	100,0	100,0	50,0	0,0	0,0	50,0	0,0	100,0	100,0		
7	Sở Tài chính	30,0	0,0	0,0	30,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	30,0	0,0	0,0	30,0	0,0	100,0	100,0		
8	Sở Xây dựng	50,0	0,0	0,0	50,0	0,0	5,4	0,0	0,0	5,4	0,0	10,8	10,8	50,0	0,0	0,0	50,0	0,0	100,0	100,0		
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	64,5	0,0	0,0	0,0	64,5	15,2	0,0	0,0	0,0	15,2	23,5	23,5	64,5	0,0	0,0	0,0	64,5	100,0	100,0		